



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội

Tiếng Anh/ *in English*: Vinacontrol Group Corporation – Hanoi Branch

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 045 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

96 Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Tel: +84 24 3942 1343

Fax: +84 24 3942 1002

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Period of validation

Từ ngày/ *from* / 12 / 2023 đến ngày/ *to* 08 / 02 / 2027



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 4) 37911552; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b, 5 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau/ Product certification in accordance with certification scheme type 1b, 5 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to certification scheme type 7, 5 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:

Nhóm sản phẩm vật liệu kim loại/ Basic metal products

TT No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận theo 28/2012/TT-BKHCN Type of certification scheme according to 28/2012/TT-BKHCN
1	Thép không gỉ Stainless steel	QCVN 20:2019/BKHCN Sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN	KT-QTĐG08-CT	7
2	Thép làm cốt bê tông Steel for the reinforcement of concrete	QCVN 7:2019/BKHCN	KT-QTĐG10-CT	7
3	Thép các loại khác Other types of steel	58/2015/TT-BCT-BKHCN 18/2017/TT-BCT	KT-QTĐG04-CT	7

Nhóm sản phẩm dệt may/ Textile and garment products

TT No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận theo 28/2012/TT-BKHCN Type of certification scheme according to 28/2012/TT-BKHCN
1	Sản phẩm dệt may Textile products	QCVN 01:2017/BCT	KT-QTĐG14-CT NV-HDCN03-HN	7
			KT-QTĐG15-CT NV-HDCN03-HN	5



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*

HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 4) 37911552; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

Nhóm sản phẩm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi / *Food and animal feed*

TT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận theo 28/2012/TT-BKHCHN <i>Type of certification scheme according to 28/2012/TT-BKHCHN</i>
1	Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm <i>Compound feeds for livestock</i>	QCVN 01-183:2016/ BNNPTNT	KT-QTĐG03-CT	7
2	Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản <i>Animal feed and ingredients in aquaculture feed</i>	QCVN 01-190:2020/ BNNPTNT Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/ BNNPTNT		